

Bản án số: 44/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 26-03-2026

V/v Tranh chấp hôn nhân
và gia đình về ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hai

Ông Trần Văn Triều

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân
Khu vực 8 - Đồng Tháp.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đồng Tháp, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 25/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 03 năm 2026 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Thôn D, xã Q, tỉnh T.

Số CCCD: 038198023521, cấp ngày 30/11/2021 tại Cục C về trật tự xã hội – Bộ C1.

- *Bị đơn:* Anh Lưu Phát Đ, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Số C, khóm C, phường S, tỉnh Đ.

Số CCCD: 0870880004920, cấp ngày 15/06/2023 tại Cục C về trật tự xã hội – Bộ C1.

(Chị H và anh Đ có đơn xin vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết của nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2016, chị H và anh Đ gặp gỡ, quen biết nhau thông qua mối quan hệ hai bên gia đình. Sau khoảng thời gian dài tìm hiểu, vợ

chồng cảm thấy hợp nên tiến đến hôn nhân, được sự chấp thuận của hai bên gia đình nên về chung sống vợ chồng, có tổ chức đám cưới và có thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh T vào ngày 10/07/2017.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên không hiểu ý nhau, tính tình không thể hòa hợp, thường xuyên gây gổ, hai vợ chồng không đồng quan điểm về cuộc sống gia đình, áp lực kinh tế quá lớn nên vợ chồng hay gây gổ. Mặc dù, đã cố gắng hòa giải, hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, không còn tiếng nói chung và quan điểm hôn nhân, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc.

Nay chị H nhận thấy không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với anh Lưu Phát Đ, tình cảm hai bên không còn như lúc đầu, mỗi người cần có cuộc sống riêng nên chị H yêu cầu ly hôn anh Lưu Phát Đ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lưu Mẫn N, sinh ngày 08/9/2017. Hiện nay con đang ở chung với chị H.

- Về tài sản chung: Không có; không yêu cầu tòa án giải quyết;
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết

Ngoài ra, chị H không còn yêu cầu gì khác.

* Theo văn bản trình bày ý kiến của anh Lưu Phát Đ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

- Về hôn nhân: Anh Đ thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian vợ chồng quen biết, chung sống và kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị H yêu cầu ly hôn với anh thì anh Đ cũng đồng ý ly hôn với chị Lê Thị H.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lưu Mẫn N, sinh ngày 08/9/2017. Hiện nay con đang ở chung với chị H. Khi ly hôn, anh Đ đồng ý giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có; không yêu cầu tòa án giải quyết;
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết

Ngoài ra, anh Đ không có yêu cầu gì thêm.

Ý kiến của con: Tại văn bản ý kiến của cháu Lưu Mẫn N trình bày nêu cha mẹ ly hôn thì cháu N có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị Lê Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy nguyên đơn là chị Lê Thị H và bị đơn là anh Lưu Phát Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; Điều 238 Bộ luật tố dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Lê Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lưu Phát Đ và yêu cầu được nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn”. Bị đơn anh Lưu Phát Đ có địa chỉ cư trú tại số C, khóm C, phường S, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đồng Tháp theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Xét thấy chị Lê Thị H và anh Lưu Phát Đ gặp gỡ, quen biết nhau thông qua mối quan hệ hai bên gia đình vào năm 2016. Sau khoảng thời gian tự tìm hiểu, vợ chồng cảm thấy hợp nên tiến đến hôn nhân, được sự chấp thuận của hai bên gia đình nên về chung sống vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa (Nay là xã Q, tỉnh Thanh Hóa), theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 30/2017, ngày 10/07/2017, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, theo chị H trình bày thì chị H và anh Đ chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên không hiểu ý nhau, tính tình không thể hòa hợp, thường xuyên gây gổ, hai vợ chồng không đồng quan điểm về cuộc sống gia đình, áp lực kinh tế quá lớn nên vợ chồng hay gây gổ. Mặc dù, đã cố gắng hòa giải, hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, không còn tiếng nói chung và quan điểm hôn nhân, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng sống xa nhau từ cuối năm 2017 đến nay.

Nay chị H nhận thấy không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với anh Lưu Phát Đ, tình cảm hai bên không còn như lúc đầu, mỗi người cần có cuộc sống riêng nên chị H yêu cầu ly hôn anh Lưu Phát Đ.

Về phía anh Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, đã biết việc chị H yêu cầu ly hôn và anh Đ cũng có văn bản trình bày ý kiến như sau: Anh Đ thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian vợ chồng quen biết, chung sống và kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng; Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh thì anh Đ cũng đồng ý ly hôn với chị Lê Thị H; hơn nữa anh Đ có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt anh Đ.

Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị H và anh Đ đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ cuối năm 2017 đến nay, vợ chồng cũng không còn sống chung với nhau, anh Đ cũng không có thành ý đến Tòa án để hòa giải, đoàn tụ tiếp tục chung sống với chị H. Do đó, xét thấy việc chị H yêu cầu ly hôn anh Đ là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về nuôi con chung: Chị H và anh Đ có 01 con chung tên Lưu Mẫn N, sinh ngày 08/9/2017.

Xét thấy, từ sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị H và anh Đ sống ly thân thì con chung là cháu Lưu Mẫn N sống với chị H. Chị H có yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và anh Đ cũng đồng ý giao con chung cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng; Hơn nữa, theo ý kiến của cháu N nếu cha mẹ ly hôn thì cháu N có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ là chị Lê Thị H. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con và nhằm giữ sự ổn định về tâm sinh lý cho con, cũng như điều kiện học tập, sinh hoạt của con. Căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Lưu Mẫn N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn. Về phía anh Đ có quyền nghĩa vụ đến thăm con, không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung và anh Đ cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh Đ xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị H nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 238 Bộ Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Các Điều: 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị H. Cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Lưu Phát Đ.

2. Về nuôi con chung: Chị H và anh Đ có 01 con chung tên Lưu Mẫn N, sinh ngày 08/9/2017. Hiện con chung đang sống chung với chị H.

- Giao con chung tên Lưu Mẫn N cho chị Lê Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng;

- Chị Lê Thị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Anh Lưu Phát Đ có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị H và anh Lưu Phát Đ xác định không có nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị H phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị H đã nộp ngày 16/01/2026 theo biên

lai thu số 0001023 tại Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp được khấu trừ toàn bộ vào án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn chị Lê Thị H và bị đơn anh Lưu Phát Đ vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án ND Tỉnh DT;
- VKS ND Khu vực 8 - DT;
- Các đương sự;
- THA Dân sự Tỉnh DT;
- UBND xã Quảng Bình, tỉnh Thanh Hóa (Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2017, ngày 10/7/2017)
- Lưu h/s.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Minh Trí